

输入:

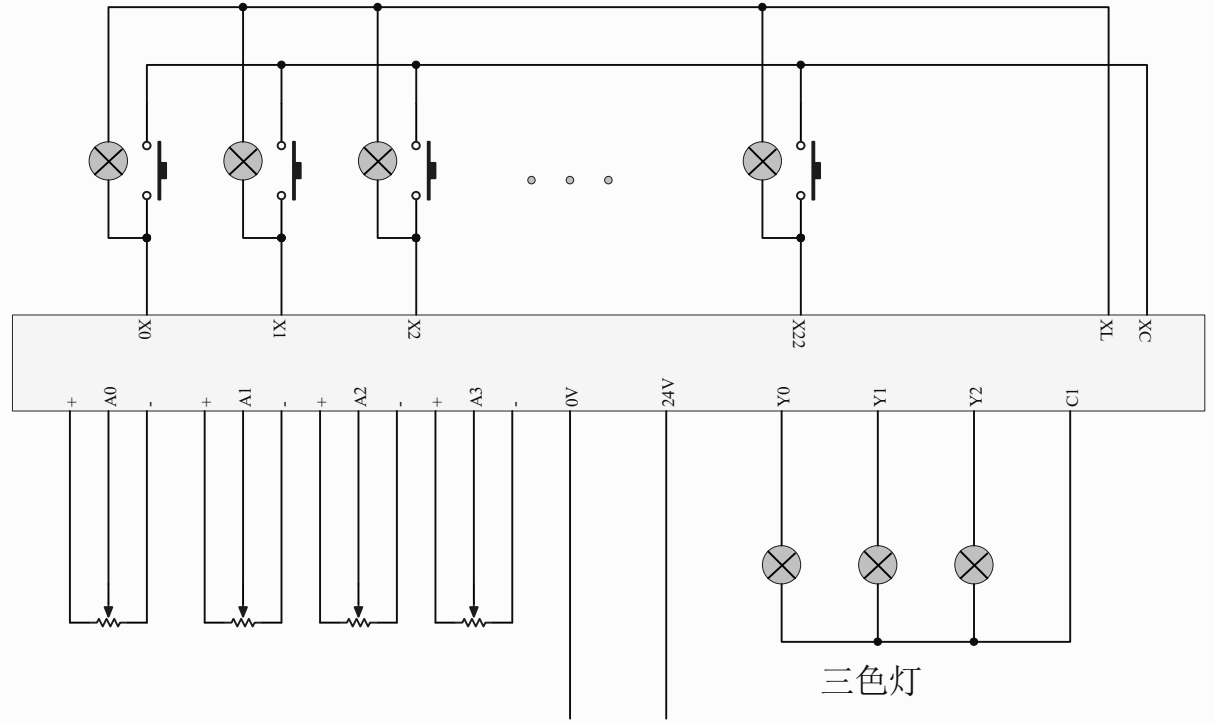
- X0 X+
- X1 X-
- X2 Y+
- X3 Y-
- X4 Z+
- X5 Z-
- X6 A+
- X7 A-
- X8 B+
- X9 B-
- X10 C+
- X11 C-
- X12 启动
- X13 复位
- X14 拍照
- X15 暂停
- X16 水
- X17 翻台+
- X18 翻台-
- X19
- X20
- X21
- X22
- X23

输出

- Y0 红
- Y1 黄
- Y2 绿

电位器

- A0 空走速度
- A1 手动速度
- A2 切割速度
- A3 主轴转速



Title		
Size A4	Number	Revision
Date: 2021/12/18	Sheet of	
File: F:\PCB\KeyboardPCB2\She	按键板接线图.Dwg	